TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2019/DS- ST
Ngày: 26/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc

2. Ông Bùi Ngọc Hà

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-DS ngày 14-11-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn S; sinh năm 1974.
Địa chỉ: Số 56 P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: 1) Vợ chồng ông Lê Minh T; sinh năm 1962.
Bà Đoàn Thị Bích T; sinh năm 1969.
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
2) Anh Lê Hoài P; sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
3) Anh Lê Anh T; sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T có mặt tại phiên tòa; Ông S, ông T và anh P, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, ông Đinh Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Tuyết M trình bày: Bà T cùng các con là P và T nhiều lần vay tiền của bà M. Tính đến ngày 20-3-2012 bà T cùng các con còn nợ bà M số tiền 530.000.000đ, hai bên thỏa thuận mỗi năm trả cho bà M 100.000.000đ cho đến khi trả xong nợ, không tính lãi. Sau khi thỏa thuận thì bà T và anh P viết giấy vay tiền và ký tên, các giấy nợ trước đây hai bên thống nhất xé bỏ. Mục đích vay là để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, chi trả học phí cho các con, mua phân bón nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông T, bà T. Nay yêu cầu vợ chồng ông T, bà T cùng anh P, anh T có trách nhiệm thanh toán trả số tiền 530.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01-01-2018 đến nay tính tròn là 22 tháng theo mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền 96.778.000đ. Tổng cộng 626.778.000đ.

Tài liệu chứng cứ: Giấy vay tiền bản chính ghi ngày 20-3-2012 có chữ ký ghi họ tên bà Đoàn Thị Bích T và anh Lê Hoài P.

Theo lời khai, bà Đoàn Thị Bích T trình bày: Bà T công nhận có vay của bà M số tiền 530.000.000đ như bà M trình bày là đúng, ngày 20-3-2012 bà cùng con trai là Lê Hoài P có ký giấy vay tiền. Sau khi ký giấy bà đã trả dần cho bà M số tiền 50.000.000đ (vay của mẹ bà M để trả cho bà M), số tiền 15.000.000đ không nhớ thời gian trả và số tiền 10.000.000đ vào cuối năm 2018. Tổng cộng đã trả được 75.000.000đ. Hiện nay chỉ còn nợ bà M 455.000.000đ và xin trả dần, không đồng ý trả tiền lãi.

Theo lời khai, ông Lê Minh T trình bày: Ông và bà T là vợ chồng nhưng vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2011 không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tháng 3/2019 đã bán nhà đi nơi khác sinh sống. Sau khi đi mới nghe bà M gọi điện nói bà T còn nợ số tiền nêu trên của bà. Đề nghị Tòa án xem xét cho bản thân ông hiện nay tuổi cao, sức yếu lại còn tàn tật chân tay.

Anh Lê Hoài P và anh Lê Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay cũng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M; vợ chồng bà T, ông T cùng anh P có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà M số tiền gốc 530.000.000đ và tiền lãi phát sinh 96.778.000đ; bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với việc yêu cầu ang T cùng có trách nhiệm trả nợ; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, ông Đinh Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Minh T và anh Lê Hoài P, anh Lê Anh T là bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T cùng các con là P và T nhiều vay tiền của M. Tính đến ngày 20-3-2012 bà T cùng các con còn nợ bà M số tiền 530.000.000đ, bà T và anh P đã ký giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận mỗi năm mẹ con bà T trả cho bà M 100.000.000đ cho đến khi trả xong nợ, không tính lãi. Giấy vay tiền bản chính ghi ngày 20-3-2012 có chữ ký người viết giấy ghi họ tên Lê Hoài P và Đoàn Thị Bích T và đã được bà T thừa nhận.

[3] Mặc dù chỉ mình bà T ký giấy vay tiền nhưng bà T vay tiền của bà M là để phục vụ sinh hoạt trong gia đình nên có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông T, bà T. Anh Lê Hoài P là con của vợ chồng ông T, bà T cũng xác nhận mẹ con có nợ bà M và cam kết cùng trả nợ với bà T. Do vậy, cần buộc vợ chồng ông T, bà T cùng anh P có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M là phù hợp.

[4] Bà T cho rằng, sau khi ký giấy vay bà đã trả dần cho bà M số tiền 50.000.000đ (vay của mẹ bà M để trả cho bà M), số tiền 15.000.000đ không nhớ thời gian trả và số tiền 10.000.000đ vào cuối năm 2018. Tổng cộng đã trả được 75.000.000đ nhưng lại không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh; bà M không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét.

[5] Đến nay vợ chồng ông T, bà T và anh P chưa trả tiền cho bà M nên bà M yêu cầu vợ chồng ông T, bà T và anh P có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 530.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01-01-2018 đến nay tính tròn là 17 tháng theo mức lãi 0,83%/tháng thành tiền 96.778.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 626.778.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Việc bà M còn yêu cầu cả anh Lê Anh T cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền nêu trên là không có căn cứ vì trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt nên không có ý kiến, giấy vay tiền cũng không có chữ ký của anh T. Cần bác yêu cầu này là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch { 626.778.000đ = 20.000.000đ + (226.778.000đ x 4%) =} 29.071.000đ là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều Điều 471; Điều 471 và Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết M về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" với vợ chồng ông Lê Minh T, bà Đoàn Thị Bích T và anh Lê Hoài Pg.

Buộc vợ chồng ông T, bà T cùng anh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền 626.778.000đ. Trong đó, tiền gốc là 530.000.000đ và tiền lãi 96.778.000đ.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự".

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết M về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" với anh Lê Anh T.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông T, bà T cùng anh Pg liên đới chịu 29.071.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 14.007.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014295 ngày 11-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Hoàn trả cho bà M số tiền 13.707.000đ tạm ứng án phí còn thừa.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đới Văn Học